TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 597/2026/DS-PT
Ngày: 17 - 6 - 2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng
Bà Mạc Thị Chiên

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Tăng Thị Như Ý - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 17 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 608/2026/TLPT-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026, về "Tranh chấp hợp đồng hợp tác".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 676/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 597/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông **Đỗ D**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Mỹ Phước, thành phố Cần Thơ).

2. Ông **Trần P**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp M, xã Th, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Bùi L – văn bản uỷ quyền ngày 31/7/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Luật sư **Tô H** – Công ty Luật TNHH NL

- Bị đơn: Ông **Trương T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ (nay là phường B, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện uỷ quyền của bị đơn: Bà **Trần T** – văn bản uỷ quyền ngày 02/8/2023.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Nguyễn Hoàng Vũ**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A, phường K, quận K, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Đỗ D, ông Trần P cùng thống nhất trình bày: Vào ngày 23/7/2022 giữa Nguyễn V, Trương T, Đỗ D, Trần P thành lập nhóm Zalo để hùn vốn nuôi gà, nhóm chia thành 02 phần bằng nhau, ông Đ, ông P 01 phần, ông Vvà ông T 01 phần, chi phí thực hiện theo từng lần. Tiền bán được bao nhiêu sẽ chia đều thành hai phần bằng nhau. Ngày 12/8/2022 bắt đầu mua gà con nuôi, đến ngày 23/11-24/12/2022 bán gà, tổng số tiền thu về là 378.902.932 đồng. Sau khi trừ các chi phí phát sinh như: hỗ trợ nhân công, thuê trại, tiền cám là 45.905.440 đồng, còn lại số tiền 332.997.492 đồng. Phía nguyên đơn ông Đ, ông P đang giữ 38.812.200 đồng còn bị đơn ông V và ông T đang giữ 294.185.292 đồng. Ngoài tiền bán gà thì tiền bán 665 bao phân gà với giá 13.000 đồng/bao là 8.645.000 đồng số tiền này ông V và ông T giữ. Khi kiểm tra, số gà còn lại trong chuồng khoảng 350-400 con đang được ông V và ông T chia bán tiếp. Ước tính 350 con tương đương 420kg giá 70 nghìn/kg là 29.400.000 đồng. Hiện nay ông V và ông T đang giữ số tiền của nguyên đơn là 161.042.315 đồng.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Hoàng Vũ và Trương T phải trả số tiền 161.042.315 đồng. Đồng thời, nguyên đơn có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung về yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2025 nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Vũ, nay chỉ yêu cầu đối với ông T và yêu cầu tính lãi suất theo quy định.

Bị đơn ông Trương T có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thừa nhận ông Nguyễn V có đưa ông Trương T tham gia vào nhóm Zalo cùng với nguyên đơn ông Đ và ông P, xác định không có việc hùn vốn nuôi gà và

không có quản lý số tiền như nguyên đơn trình bày. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn bị đơn không đồng ý.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án Toà án xác định ông Nguyễn Hoàng Vũ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ, đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng hợp tác.

Buộc bị đơn Trương T phải có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn ông Đỗ D và ông Trần P tổng số tiền 29.919.409 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm mười chín nghìn bốn trăm lẽ chín đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Nguyễn V. Nếu sau này các nguyên đơn với ông Vcó tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự có đơn kháng cáo như sau:

- Các nguyên đơn ông Đỗ D và ông Trần P yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông Trương T trả lại nguyên đơn tổng số tiền là: 204.830.635 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu, tám trăm ba mươi nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng) tạm tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 27/8/2025, trong đó gồm: *Tiền nợ gốc 161.386.815 đồng*; *Tiền lãi chậm trả lãi suất 10%/năm, từ ngày 24/12/2022 đến ngày 27/8/2025 là*: (973 ngày) với số tiền 43.444.450 đồng.

- Bị đơn ông Trương T yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thành toán số tiền là 161.042.315 đồng và lãi suất tính tới ngày đưa vụ án ra xét xử. Không đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền 29.919.409 đồng cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự trình bày:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn trình bày: Tại cấp phúc thẩm các nguyên đơn có cung cấp Vi bằng về việc xác nhận việc ông T tham gia nhóm hùn vốn nuôi gà và các tin nhắn thể hiện việc ông T đang giữ số tiền mà các nguyên đơn khởi kiện. Theo xác nhận của bà K tổng số lượng mua gà và số lượng của ông T gửi trên nhóm, trùng khớp với xác nhận của bà K; có lời

khai người làm chứng bán thức ăn, đi cân gà; ông T ghi chụp gửi lên nhóm Zalo; người làm chứng là người làm thuê chỗ bà K khai có đưa tiền cho ông T. Lý do không yêu cầu khởi kiện đối với ông Vlà do hiện tại ông T giữ tiền nên ông T có trách nhiệm chia tiền trả cho nguyên đơn, phần ông V thì do ông T tự trả. Nay các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho các nguyên đơn số tiền vốn và lãi là hơn 204 triệu đồng, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bên bị đơn xác định không có hùn vốn phân chia tỷ lệ như nguyên đơn trình bày, việc tham gia vào nhóm Zalo chỉ có nhắn tin chia sẻ kinh nghiệm góp ý. Theo tài liệu nguyên đơn cung cấp các tin nhắn trên nhóm zalo chỉ thể hiện việc giao dịch trao đổi giữa các nguyên đơn với ông Vũ, đối với lời khai của người làm chứng không được ông Thanh thừa nhận nhưng không xuất trình biên nhận, hóa đơn ông T có ký nhận số tiền như người làm chứng trình bày. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền 29.919.409 đồng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự. Xét thấy, bản án sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện chứng cứ, việc căn cứ lời trình bày chưa cụ thể của người làm chứng để buộc ông T chia số tiền ông T nhận được khi bán gà trong khi ông T không thừa nhận. Do đó kháng cáo của ông T về việc không đồng ý trả số tiền cấp sơ thẩm buộc ông T trả cho nguyên đơn cùng lãi suất là có cơ sở để chấp nhận; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về nội dung buộc bị đơn Thành trả số tiền mà nguyên đơn khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở

xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hợp tác, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn có cung cấp Vi bằng số 107/(2025)/VB-TPL ngày 19/10/2025 của Văn phòng thừa phát lại Q về việc ghi nhận hình ảnh của ông Trần P và cung cấp Đơn xác nhận của ông Đỗ D là người làm thuê của bà Châu K về việc đến trại gà để mua gà. Cũng như theo lời thừa nhận của đại diện ông T cho rằng ông T có tham gia nhóm Zalo để chia sẻ kinh nghiệm, góp ý trong việc nuôi gà. Xét thấy, theo nội dung Vi bằng số 107/(2025) thể hiện những đoạn hội thoại giữa ông T, ông V và ông Đ, ông P có cơ sở để xác định ông T có tham gia hùn vốn chăn nuôi gà. Do đó, người đại diện ông T cho rằng ông T không có tham gia hùn vốn nuôi, chỉ tham gia nhóm để chia sẻ kinh nghiệm là không có cơ sở.

[2.2] Các nguyên đơn cho rằng sau khi trừ các chi phí phát sinh cho việc nuôi gà thì bị đơn ông T đang giữ số tiền của nguyên đơn là 161.042.315 đồng. Tại cấp phúc thẩm các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 204.830.635 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu, tám trăm ba mươi nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng) tạm tính từ ngày 24/12/2022 đến ngày 27/8/2025, trong đó gồm: *Tiền nợ gốc 161.386.815 đồng*; *Tiền lãi chậm trả lãi suất 10%/năm, từ ngày 24/12/2022 đến ngày 27/8/2025 là*: (973 ngày) với số tiền 43.444.450 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình các nguyên đơn có cung cấp Vi bằng ghi nhận nội dung tin nhắn trong nhóm Zalo, trong đó có ông T là thành viên tham gia và nhắn tin trao đổi trên nhóm. Đồng thời căn cứ đơn xác nhận ngày 04/8/2025 của bà Châu K (bút lục 396) xác nhận trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2022 đến ngày 01/12/2022 thì bà có mua số lượng 1689 con gà tre, khoảng 1834 ký, số tiền giao cho phía ông T quản lý và những người làm chứng khác làm thuê cho bà K cũng xác nhận có đến Trại gà cân gà, người đứng bán là ông T và giao tiền cho ông T.

[2.3] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp thì chỉ có hình ảnh chuyển khoản của bà Châu K chuyển tiền cho Trần P nhận số tiền 10.188.000 đồng (bút lục 144) nội dung phía ông P báo công khai vào ngày 24/12/2022 trên nhóm. Ngoài lời trình bày của nguyên đơn và lời xác nhận của

người làm chứng do nguyên đơn cung cấp, thì nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh việc ông T đang giữ số tiền 161.042.315 đồng.

[2.4] Mặt khác, xét thấy trong vụ án này ngay từ ban đầu nguyên đơn đã khởi kiện ông Vvà ông T để đòi khoản tiền cho rằng ông T và ông V đang giữ nhưng sau đó do không làm việc được với ông Vnên nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện buộc ông T phải chịu toàn bộ số tiền trên. Trong khi đó, quá trình làm việc không ghi nhận được ý kiến của ông V, các tin nhắn, giao dịch mà nguyên đơn cung cấp đều thể hiện ông Vlà người có vai trò chính trong việc hợp tác nuôi gà. Ngoài ra, theo lời khai của những người làm chứng là bà Châu K (Bút lục 396) và ông Trần P (Bút lục 393) đều khai giống nhau là số tiền thu được sau khi bán gà "được giao lại cho đại diện bên ông Trương T quản lý". Như vậy cụ thể số tiền được giao trực tiếp cho ai?, trong khi các nguyên đơn cho rằng ông T và ông V là cùng 01 phần để chia. Các lời khai này cũng chưa chứng minh được ông T là người đang trực tiếp giữ tiền. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trong khi bản thân ông T không thừa nhận cũng như không có chứng cứ nào khác cụ thể để đối chiếu, chứng minh ông T đang quản lý số tiền mà nguyên đơn yêu cầu, nên không có cơ sở chấp nhận.

Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của người làm chứng giao gà cho rằng có giao tiền cho phía ông T theo số lượng thu mua gà 02 lần, mỗi lần từ 300kg đến 400kg và giá thu mua từ 65.000 đồng/kg đến 70.000 đồng/kg, trung bình trên mỗi lần thu mua: 700kg x 67.500 đồng = 47.250.000 đồng. Từ đó cấp sơ thẩm xác định ông T đang giữ tiền đồng thời tính chia làm 2 phần (trong đó ông Đ, ông P 01 phần và ông T, ông V 01 phần) để buộc ông T trả số tiền 23.625.000 đồng và tính lãi trên số tiền chậm trả buộc bị đơn trả cho các nguyên đơn tổng số tiền 29.919.409 đồng. Nội dung trên không được ông T thừa nhận và như đã phân tích cũng không có chứng cứ nào khác cụ thể để chứng minh ông T đang quản lý số tiền trên, nên quyết định của cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở, do đó không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận theo hướng sửa bản án sơ thẩm như phân tích nêu trên.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng. Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn ông Đỗ D, ông Trần P.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trương T.

Sửa bản án sơ thẩm số 82/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Đỗ D, ông Trần P về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 161.386.815 đồng và tiền lãi chậm trả.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ D, ông Trần P đối với ông Nguyễn V. Nếu sau này các nguyên đơn với ông Nguyễn V có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn ông Đỗ D, ông Trần P cùng liên đới phải chịu 10.241.532 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0005018 và số 0005017 cùng ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên các nguyên đơn ông Đỗ D, ông Trần P cùng liên đới phải nộp thêm 6.241.532 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm ba mươi hai đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003203 ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Trần P không phải nộp thêm.

Nguyên đơn ông Đỗ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003202 ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Đỗ D không phải nộp thêm.

Bị đơn ông Trương T được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002975 ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 17/6/2026.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- TAND KV 2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 2 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Lâm